

Dành cho sinh viên nhập học niên khóa 2018 – 2022 (QH1618) HỀ CHÍNH QUY

KHÔI KIẾN THỨC ĐẠI CƯƠNG VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

I. KHÔI KIẾN THỨC ĐẠI CƯƠNG (Tối thiểu 32 tín chỉ)

Nhóm môn họcSố tín chỉMã môn

Các môn bắt buộc28.0

Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin5.0DAI001/002

Tư tưởng Hồ Chí Minh2.0DAI004

Đường lối cách mạng Đảng Cộng Sản Việt Nam3.0DAI003

Lịch sử văn minh thế giới3.0DAI016

Cơ sở văn hoá Việt Nam2.0DAI012

Chính trị học đại cương2.0DAI028

Nhập môn nhà nước và pháp luật3.0QTE052.1

News listening2.0

Phonetics and Pronouciation2.0

Kinh tế vi mô I2.0DIA036

Kinh tế vĩ mô I2.0DIA037

Các môn tự chọn4.0

Xã hội học đại cương (V/A)2.0DAI021

Nhân học văn hóa2.0DAI023

Tâm lý học đại cương2.0DAI022

Tiếng Việt thực hành2.0

Môi trường và phát triển3.0DAI006

Kinh tế phát triển2.0QTE035

Các chứng chỉ bắt buộc

Tin học ứng dụng CNTT

Giáo dục thể chất

Giáo dục quốc phòng

Tự tích lũy và nộp chứng chỉ

Tự tích lũy và nộp chứng chỉ

Tự tích lũy và nộp chứng chỉ

KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH

II. KHÔI KIẾN CƠ SỞ CỦA NGÀNH (22 TC – bắt buộc)

MãMôn học22.0 TC

QTE131.1Lịch sử QHQT I2.0

QTE132.1Lịch sử QHQT II2.0

QTE040.1Lịch sử ngoại giao Việt Nam2.0

QTE059 Nhập môn quan hệ quốc tế (V/A)3.0

QTE063 Phương pháp NCKH trong QHQT (V/A)2.0

QTE089 Chính sách đối ngoại Việt Nam2.0

QTE064.1Quan hệ Kinh tế quốc tế3.0

QTE018 Công pháp quốc tế (V/A)2.0

QTE085 Tư pháp quốc tế2.0

QTE029.1Kinh tế chính trị quốc tế (V/A)3.0

III. CHUYÊN NGÀNH (Tối thiểu 18 TC – tự chọn)

Hoàn tất 18.0 TC tự chọn của một trong ba chuyên ngành sau:

A.CHÍNH TRỊ NGOẠI GIAO

MãMôn họcSố TC

QTE084 Toàn cầu hoá2.0

QTC002 An ninh quốc tế2.0

QTE002 An ninh con người2.0

QTE001 An ninh Châu Á – TBD (V/A)2.0

QTE011 Chính sách đối ngoại Hoa Kỳ (V/A)2.0

QTE012 Chính sách đối ngoại Trung Quốc2.0

QTE100 Tư tưởng Hồ Chí Minh về ngoại giao2.0

QTE004 ASEAN (V/A)2.0

QTE023 Liên minh Châu Âu (EU)2.0

QTE020 Địa chính trị2.0

TRI005 Chính trị học so sánh2.0

QTE007 Các tổ chức quốc tế2.0

Lý luận Quan hệ quốc tế I (V/A)2.0

Phương pháp nghiên cứu định tính2.0

Nhập môn Lý thuyết chính trị2.0

B. KINH TẾ QUỐC TẾ

QTE033 Kinh tế lượng2.0

QTE032 Kinh tế học quốc tế2.0

QTE037 Kinh tế vi mô II2.0

QTE038 Kinh tế vĩ mô II2.0

QTE074 Thanh toán quốc tế2.0

DTH025 Nhập môn quản lý dự án đầu tư (V/A)2.0

QTE062 Phân tích và thẩm định D/A đầu tư (V/A)2.0

QTE025 Kế toán đại cương2.0

QTE072 Tài chính doanh nghiệp2.0

Kinh tế Việt Nam từ đổi mới2.0

C. LUẬT QUỐC TẾ

QTE044 Luật dân sự Việt Nam2.0

QTE049 Luật sở hữu trí tuệ2.0

QTE104 Luật kinh doanh3.0

QTE050 Luật thương mại quốc tế2.0

QTE043 Luật biển (V/A)2.0

QTE106 Pháp luật về phòng vệ thương mại2.0

QTE105 Pháp luật cạnh tranh2.0

Pháp luật về hợp đồng lao động2.0

QTE047 Luật môi trường quốc tế2.0

IV. KHÔI KIẾN THỨC BỔ TRỢ (Tối thiểu 14 TC- tự chọn)

QTE111 Văn hoá giao tiếp2.0

DAI043 Nghiệp vụ ngoại giao2.0

QTE109 Giao tiếp xuyên văn hóa (V/A)2.0

QTE019 Đàm phán quốc tế (V/A)2.0

QTE108 Báo chí và thông tin đối ngoại2.0

QTE110 Thư ký văn phòng đối ngoại2.0

QTE056 Marketing nhập môn2.0

QTE021 Đối ngoại công chúng (PR)2.0

QTE009 Chairing international conference (V/A)2.0

QTE024 Hợp đồng thương mại quốc tế2.0

V. ANH VĂN CHUYÊN NGÀNH QHQT (28 TC – bắt buộc)

VI. THỰC TẬP THỰC TẾ (6 TC – bắt buộc) QTTT1

Hoàn tất toàn bộ các chương trình thực tập thực tế sau:

Tiến trình lịch sử Việt Nam (học kỳ III)2.0

Thực tập công ty (sau học kỳ VI)2.0

Thực tập nước ngoài (học kỳ VII)2.0

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP (10 TC) QTE026

(Tự chọn có điều kiện*)

Sinh viên hết học kỳ VI có điểm tích lũy trên 8.0 có thể đăng ký làm khóa luận tốt nghiệp với khoa.

ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Số tín chỉ tối thiểu tích lũy120 tín chỉ

Các chứng chỉ bắt buộcTin học ứng dụng CNTT

Thể chất

Quốc phòng

Nộp 1 trong các chứng chỉ tiếng Anh sau:

* TOEFL iBT 75

* IELTS 6.0

* VNU-EPT 9 (B2.1)

* Toeic (nghe, đọc):650, (nói-viết):250

TIẾN TRÌNH HỌC TẬP GỢI Ý:			Học kỳ VI			MÔ TẢ NGÀNH HỌC:			Bảng cử nhân Quan Hệ Quốc Tế của Khoa QHQT – Trường Đại học KHXH&NV – ĐHQG TP.HCM hiện nay chưa phải là chương trình đào tạo đáp ứng được toàn diện đối với những sinh viên muốn nghiên cứu rộng và sâu về tất cả những vấn đề quốc tế hay các nước khác. Thực tế, không có một đơn vị nào có thể cung cấp một chương trình đào tạo nghiên cứu vừa có hệ thống, vừa chuyên sâu về tất cả các vấn đề như vậy.											
Học kỳ I			17.0			Tư tưởng Hồ Chí Minh			2.0			Quan hệ Quốc tế là một ngành khoa học mang tính liên ngành, nghiên cứu có hệ thống những quan hệ chính trị, kinh tế giữa chính phủ và con người ở các quốc gia trên thế giới, trên cơ sở so sánh những hệ thống kinh tế và chính trị khác nhau. Sinh viên theo học ngành này sẽ nắm được căn nguyên, bản chất lịch sử, địa lý, tôn giáo, văn hóa... của những mối quan hệ quốc tế hiện tại.								
DAI001	Những NL cơ bản Mác Lênin I	2.0	Đàm phán quốc tế			2.0			Professional Writing			2.0								
DAI016	Lịch sử văn minh thế giới	2.0	E-V Translation 1			1.0			V-E Translation 1			1.0								
DAI012	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2.0	V-E Translation 1			1.0			Thực tập doanh nghiệp			2.0								
Nhập môn Nhà nước và Pháp luật			3.0			Tự chọn nghiệp vụ			2.0			Tự chọn nghiệp vụ			2.0					
General Speaking			1.0			Tự chọn chuyên ngành			2.0			Tự chọn chuyên ngành			2.0					
General Listening			1.0			EPT B1.2 tương đương IELTS 6.0														
General Reading			1.0																	
General Writing			1.0																	
Môn tự chọn đại cương			2.0																	
Môn tự chọn đại cương			2.0																	
Học kỳ II			17.0			Học kỳ VII			16.0			CƠ HỘI NGHỀ NGHIỆP:			Sinh viên tốt nghiệp ngành QHQT - Đại học KHXH&NV ĐHQG TP.HCM có rất nhiều lựa chọn để tiếp tục theo đuổi những lĩnh vực quốc tế hay các nước khác mà họ quan tâm như:					
DAI001	Những NL cơ bản Mác Lênin II	3.0	Kinh tế chính trị quốc tế			2.0			Kinh tế chính trị quốc tế			2.0			- Các ngành khoa học xã hội có chuyên ngành mang yếu tố quốc tế: kinh tế, địa lý, lịch sử hay khoa học chính trị;					
QTE131	Lịch sử QHQT I	2.0	E-V Translation 2			2.0			E-V Translation 2			2.0			- Các ngành Nghiên cứu khu vực, như Hoa Kỳ, Châu Mỹ Latinh, Châu Âu, Châu Á, Châu Phi và Trung Đông;					
Chính trị học đại cương			2.0			Thực tập nước ngoài			2.0			Thực tập nước ngoài			2.0			- Các ngành thuộc lĩnh vực đối ngoại, truyền thông;		
Phonetics and Pronunciation			1.0			Tự chọn Anh văn			2.0			Advanced Translation			2.0			- Các ngành Ngoại ngữ;		
News & talk Listening 1			1.0			Tự chọn 1 chuyên ngành/nghề vụ			2.0			Tự chọn 1 chuyên ngành/nghề vụ			2.0			- Các ngành có chuyên ngành phụ của một trong các lĩnh vực trên.		
Critical Reading			1.0			Tự chọn chuyên ngành/nghề vụ			2.0			Tự chọn chuyên ngành/nghề vụ			2.0			- Ngành tổ chức nhân sự		
Composition Writing			1.0			Tự chọn chuyên ngành/nghề vụ			2.0			Tự chọn chuyên ngành/nghề vụ			2.0			- Ngành tư vấn và chăm sóc khách hàng		
Môn tự chọn đại cương			2.0			Tự chọn chuyên ngành/nghề vụ			2.0			Tự chọn chuyên ngành/nghề vụ			2.0			- Ngành tổ chức sự kiện, phát triển giáo dục		
Môn tự chọn nghiệp vụ			2.0			VNU – EPT B2.2 tương đương IELTS 6.0-6.5, TOEFL iBT 79-93														
Môn tự chọn chuyên ngành			2.0			TOEIC (nghe, đọc: 650; nói, viết: 300)														
Quản sự			2.0																	
Nộp Chứng chỉ: VNU – EPT B1.2 tương đương IELTS 4.5																				
Học kỳ III			18.0																	
QTE132	Lịch sử QHQT II	2.0	-----																	
Lịch sử ngoại giao Việt Nam			2.0			Ngoài các môn học đã được nêu trong chương trình đào tạo trên, nếu sinh viên quan tâm đến một khu vực, một quốc gia cụ thể, sinh viên có thể tích lũy các tín chỉ ở các khoa/ bộ môn khác, bao gồm:														
QTE053	Nhập môn QHQT	3.0	HOA KỲ HỌC			Lịch sử Hoa Kỳ			3.0											
QTE063	Phương pháp NCKH trong QHQT	2.0	Văn hóa Hoa Kỳ			3.0			Văn hóa Hoa Kỳ			3.0								
Communication skills			1.0			Chính trị và luật pháp Hoa Kỳ			3.0			Chính trị và luật pháp Hoa Kỳ			3.0					
News and Talk listening 2			1.0			Kinh tế Mỹ			2.0			Kinh tế Mỹ			2.0					
Critical Reading 2			1.0			Quan hệ Việt Nam – Hoa Kỳ			2.0			Quan hệ Việt Nam – Hoa Kỳ			2.0					
Academic writing			2.0			TRUNG QUỐC			Lịch sử Trung Quốc			3.0								
Tự chọn chuyên ngành/nghề vụ			2.0			Văn hóa Trung Quốc			3.0			Văn hóa Trung Quốc			3.0					
Thực tập			2.0			Chính trị và luật pháp Trung Quốc			3.0			Chính trị và luật pháp Trung Quốc			3.0					
"Tiến trình lịch sử Việt Nam"			2.0			Kinh tế Trung Quốc			2.0			Kinh tế Trung Quốc			2.0					
Học kỳ IV			17.0			Quan hệ Việt Nam – Trung Quốc			2.0			Quan hệ Việt Nam – Trung Quốc			2.0					
QTE064	Quan hệ kinh tế quốc tế	3.0	EU			Lịch sử Châu Âu			3.0											
Công pháp quốc tế			2.0			Văn hóa Châu Âu			3.0			Văn hóa Châu Âu			3.0					
Đường lối của Đảng cộng sản Việt Nam			2.0			Chính trị và luật pháp Châu Âu			3.0			Chính trị và luật pháp Châu Âu			3.0					
Public Speaking			2.0			Kinh tế Châu Âu			2.0			Kinh tế Châu Âu			2.0					
Academic Listening 1			1.0			Quan hệ Việt Nam – EU			2.0			Quan hệ Việt Nam – EU			2.0					
Reading in Political Science 1			1.0			Chính sách an ninh Châu Âu			2.0			Chính sách an ninh Châu Âu			2.0					
Tự chọn chuyên ngành			2.0			ĐÔNG NAM Á			Lịch sử Đông Nam Á			3.0								
Tự chọn chuyên ngành			2.0			Văn hóa Đông Nam Á			3.0			Văn hóa Đông Nam Á			3.0					
Tự chọn nghiệp vụ			2.0			Kinh tế Đông Nam Á			2.0			Kinh tế Đông Nam Á			2.0					
Tự chọn nghiệp vụ			2.0			Quan hệ Việt Nam – ASEAN			2.0			Quan hệ Việt Nam – ASEAN			2.0					
Nộp chứng chỉ VNU-EPT B1.4 tương đương IELTS 5.5																				
Học kỳ V			18.0																	
Chính sách đối ngoại Việt Nam			2.0																	
Tư pháp quốc tế			2.0																	
Academic Listening 2			1.0																	
Reading in Political Science			1.0																	
Academic research writing			2.0																	
Tự chọn chuyên ngành			2.0																	
Tự chọn chuyên ngành			2.0																	
Tự chọn chuyên ngành			2.0																	
Tự chọn nghiệp vụ			2.0																	
Tự chọn nghiệp vụ			2.0																	

